

Thứ hai, ngày 12 tháng 7 năm 2021

Vietnam Daily Review

Trượt sâu về dưới ngưỡng 1300

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/7/2021		•	
Tuần 12/7-16/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex giảm dần đều trong phiên sáng và duy trì tại vùng thấp điểm trong phiên chiều và đóng cửa tại dưới ngưỡng 1300. Dòng tiền đầu tư suy giảm với tất cả nhóm ngành giảm điểm mặc dù khối ngoại mua ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường duy trì trạng thái tiêu cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, áp lực bán có thể được duy trì vào phiên ngày mai nhưng mức giảm có thể chỉ giới hạn đến xung quanh ngưỡng 1265.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: VPG_Duy trì đà tăng (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-50.84** điểm, đóng cửa **1296.3**. HNX-Index **-13.75** điểm, đóng cửa **292.98**.
- Kéo chỉ số tăng: **MSN (+1.02); NVL (+0.67); VJC (+0.17); SJS (+0.11); PVD (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-4.17); VHM (-3.97); VPB (-3.07); BID (-3.05); TCB (-2.87)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29,048** tỷ đồng, **+23.84%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 31,615 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 70.59 điểm. Thị trường có **36** mã tăng, 12 mã tham chiếu và **374** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **1398.17** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (333.5 tỷ), SSI (202.8 tỷ) và HPG (179.7 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **25.35** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1296.30**
Giá trị: 29048.95 tỷ **-50.84 (-3.77%)**
Khối ngoại (ròng): 1398.17 tỷ

HNX-INDEX **292.98**
Giá trị: 2908.73 tỷ **-13.75 (-4.48%)**
Khối ngoại (ròng): 25.35 tỷ

UPCOM-INDEX **83.89**
Giá trị: 1383.9 tỷ **-3.19 (-3.66%)**
Khối ngoại (ròng): -0.35856 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	74.0	-0.78%
Giá vàng	1,803	-0.29%
Tỷ giá USD/VND	23,009	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	27,313	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	20,897	0.09%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	6.56%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-0.46%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	333.5	VPB	-23.3
SSI	202.8	MBB	-18.5
HPG	179.7	FRT	-14.4
KDH	75.7	VHC	-12.8
DXG	73.2	VIC	-10.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 12/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	71.73	-0.65%	-2.40%	3.90%	72.10%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.03	-0.54%	-3.70%	1.70%	60.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	220.34	-0.12%	-1.70%	0.60%	71.82%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1800.11	-0.20%	1.30%	-4.90%	-0.97%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.96	-0.67%	-0.30%	-6.00%	30.42%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1327.50	0.02%	-5.10%	-7.80%	47.99%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	621.50	-0.12%	-8.50%	-9.50%	14.30%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.16	0.23%	-1.90%	-8.70%	3.06%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	197.47	-1.07%	0.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.75	-0.67%	1.20%	-0.10%	46.45%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	149.95	1.25%	-6.40%	-8.40%	37.95%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9455.00	1.54%	0.90%	-4.50%	51.72%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	827.47	0.30%	3.80%	3.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	884.90	1.04%	5.00%	5.20%			
Nhôm	USD/ton	2499.50	-1.21%	-1.00%	3.00%	50.12%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	184.33	-2.48%	1.60%	1.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	130.25	-1.14%	1.10%	16.90%	90.56%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm 35 cent, tương đương 0.5%, xuống 75.20 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 33 cent, tương đương 0.4%, xuống 74.23 USD/thùng. HĐTL dầu thô điều chỉnh giảm chủ yếu bởi rủi ro dịch bệnh có thể tăng mạnh bối cảnh biến chủng Covid-19 lây lan nhanh chóng. G-20 cũng cảnh báo việc biến chủng mới lây nhanh kết hợp việc mất cân bằng trong phân phối vaccine khả năng tác động tiêu cực tới vận động phục hồi toàn cầu.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.2% xuống 1,803.56 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 8 giảm 0.4% xuống 1,803.9 USD/ounce.

	12/7	% 12/7	9/7	% 9/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1296.30	-3.77%	1347.14	-2.00%	-8.14%	-2.06%
S&P 500			4369.55	1.13%	1.15%	3.37%
HĐTL S&P500	4352.25	-0.18%	4359.90	1.09%	0.22%	3.40%
Shang- hai	3547.84	0.67%	3524.09	-0.04%	0.38%	-1.21%
Euro Stoxx	4056.49	-0.29%	4068.09	1.91%	-0.76%	-0.97%

Phân tích kỹ thuật
VPG_Duy trì đà tăng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trong vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: VPG đang ở trong trạng thái tiếp tục tăng giá dài hạn trong hơn 1 năm nay. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI đang ở trong vùng quá mua nên cổ phiếu có thể xuất hiện nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VPG nằm tại khu vực xung quanh 35. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 42, cắt lỗ nếu ngưỡng 32.5 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

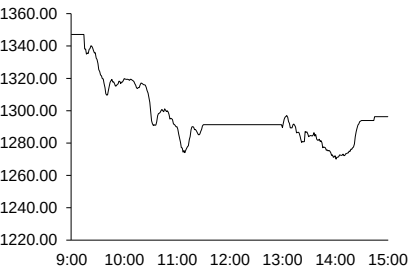
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.36%
Thực phẩm và đồ uống	-0.65%
Dầu khí	-0.98%
Du lịch và Giải trí	-1.51%
Y tế	-2.54%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.88%
Bất động sản	-3.20%
Truyền thông	-3.25%
Xây dựng và Vật liệu	-3.55%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.67%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.83%
Ô tô và phụ tùng	-4.04%
Công nghệ Thông tin	-4.09%
Bảo hiểm	-4.32%
Ngân hàng	-5.01%
Tài nguyên Cơ bản	-5.09%
Hóa chất	-5.97%
Dịch vụ tài chính	-6.34%

Hình 1

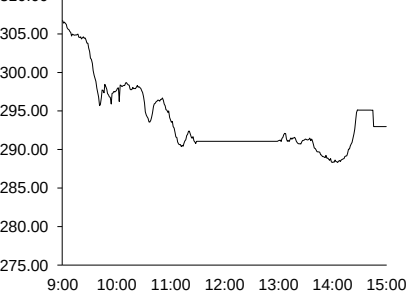
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/9/2021	ITD	18	20.25	15.25	17.5	3	-2.78%	Có thể tiếp tục mua
7/8/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	44.35	4	1.03%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	176.6	5	6.51%	Có thể tiếp tục mua
7/6/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	42.1	6	-7.27%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
6/29/2021	VJC	120	132	113	120	13	0.00%	Có thể tiếp tục mua
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	72.2	17	-4.50%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	62	19	-5.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	30.15	28	11.25%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	23.9	42	-13.41%	Cần nhắc đóng vị thế (*)

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

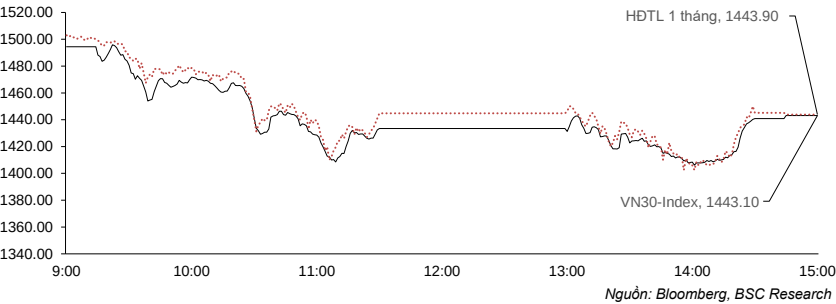
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	SL	19	-7.32%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	SL	21	-6.98%
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	SL	20	-3.31%
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	SL	26	-4.89%
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	SL	27	-10.21%
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	SL	26	-6.49%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	5	4.70%	-6.63%	-1.59%	15
Cổ phiếu đã chốt	159	105	13.66%	-7.93%	5.07%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1443.90	-3.55%	0.80	31.2%	398,540	15/07/2021	5
VN30F2108	1444.00	-3.34%	0.90	233.6%	3,936	19/08/2021	40
VN30F2109	1443.30	-2.61%	0.20	75.4%	300	16/09/2021	68
VN30F2112	1442.50	-2.67%	-0.60	96.6%	230	16/12/2021	159

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh –51.33 điểm, xuống 1443.10 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, HPG, VIC, FPT tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên sáng giảm tiêu cực xuống 1410 điểm, sau đó giằng co trong phiên chiều quanh 1410-1440 điểm. VN30 có thể điều chỉnh giảm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2107, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2102	27/09/2021	77	16:1	440,000	35.06%	1,100	3,300	1.54%	68	48.77	107,608	94,636	105,100
CMWG2102	02/08/2021	21	5:1	167,300	32.53%	3,000	10,600	-0.19%	11,386	0.93	135,000	120,000	176,600
CMWG2105	27/08/2021	46	8:1	329,200	32.53%	2,950	5,800	-1.19%	5,739	1.01	155,100	131,500	176,600
CKDH2002	16/08/2021	35	4:1	253,500	32.77%	1,600	3,300	-1.20%	2,248	1.47	30,666	24,848	36,200
CTCB2104	27/08/2021	46	2:1	130,500	39.24%	2,000	7,450	-7.11%	4,196	1.78	49,800	45,800	53,500
CTCB2103	09/08/2021	28	2:1	695,500	39.24%	2,900	9,800	-8.92%	9,065	1.08	41,300	35,500	53,500
CTCB2101	05/10/2021	85	1:1	149,600	39.24%	5,000	23,950	-9.28%	22,845	1.05	36,000	31,000	53,500
CMSN2103	13/08/2021	32	6:1	182,300	38.24%	3,000	5,600	-9.68%	5,379	1.04	106,000	88,000	119,900
CTCB2012	30/07/2021	18	1:1	130,000	39.24%	5,400	31,400	-10.03%	31,551	1.00	27,400	22,000	53,500
CVNM2105	27/09/2021	77	20:1	589,100	25.91%	1,100	1,200	-10.45%	1	1,578.95	139,661	117,931	86,300
CPNJ2102	02/08/2021	21	5:1	230,500	31.25%	2,000	5,200	-11.86%	4,464	1.16	90,000	80,000	102,100
CMWG2104	22/03/2022	253	10:1	546,900	32.53%	2,400	6,100	-12.86%	4,870	1.25	159,000	135,000	176,600
CSTB2103	09/08/2021	28	2:1	591,000	45.99%	1,400	5,800	-13.43%	5,233	1.11	20,800	18,000	28,400
CHPG2105	09/08/2021	28	2:1	311,700	38.30%	3,000	11,400	-14.41%	1,894	6.02	48,000	42,000	44,950
CVPB2103	09/08/2021	28	2:1	193,600	38.88%	2,700	13,600	-14.79%	13,816	0.98	41,900	36,500	64,000
CHPG2107	12/08/2021	31	5:1	684,400	38.30%	1,300	3,010	-16.16%	3	1,140.15	48,463	43,684	44,950
CHPG2108	12/08/2021	31	5:1	1,379,600	38.30%	1,200	2,930	-16.29%	3	1,158.10	48,124	43,713	44,950
CSTB2104	27/08/2021	46	1:1	125,400	45.99%	4,000	7,850	-17.37%	5,804	1.35	26,900	22,900	28,400
CHPG2106	27/08/2021	46	2:1	232,700	38.30%	4,100	8,940	-18.73%	409	21.88	42,937	36,908	44,950
CVRE2013	30/07/2021	18	1:1	590,500	38.49%	5,000	1,990	-31.38%	726	2.74	32,500	27,500	27,000
Tổng				7,513,300	37.04%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

- CVRE2013 và CTCH2101 giảm mạnh lần lượt là -31.38% và -20.83%. Giá trị giao dịch tăng 26.57%. CTCB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.09% thị trường.

- CMWG2102, CVPB2103, CTCB2012, CVPB2015 và CMWG2105 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVPB2015, CHPG2101, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CTCB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	176.6	0.1%	0.8	3,650	14.3	9,051	19.5	4.9	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	102.1	-3.2%	0.9	1,009	7.6	4,974	20.5	4.0	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	50.3	-5.3%	1.5	1,623	4.0	2,548	19.7	1.8	27.0%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	37.0	-2.6%	0.5	360	0.0	3,809	9.7	1.2	49.0%	12.2%
VIC	Bất động sản	104.0	-4.2%	0.7	15,294	13.1	2,174	47.8	4.4	15.8%	9.0%
VRE	Bất động sản	27.0	-3.6%	1.1	2,668	7.7	1,175	23.0	2.0	30.5%	9.3%
VHM	Bất động sản	108.0	-4.0%	1.0	15,446	37.5	7,874	13.7	3.9	23.1%	33.6%
DXG	Bất động sản	22.0	-4.3%	1.3	496	9.8	(61)		1.7	27.5%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	49.5	-5.9%	1.5	1,409	51.4	2,776	17.8	2.8	47.1%	16.2%
VCI	Chứng khoán	51.5	-6.4%	1.0	746	9.2	2,851	18.1	3.5	20.9%	22.1%
HCM	Chứng khoán	44.8	-7.0%	1.6	594	17.6	2,462	18.2	2.9	48.1%	16.4%
FPT	Công nghệ	86.1	-4.0%	0.9	3,397	25.2	4,103	21.0	4.7	56.3%	23.6%
FOX	Công nghệ	75.4	-3.6%	0.4	1,076	0.2	4,304	17.5	5.2	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	88.0	-4.0%	1.3	7,323	3.9	3,946	22.3	3.3	2.8%	14.9%
PLX	Dầu khí	49.7	-2.3%	1.5	2,685	5.8	2,915	17.0	2.6	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	24.3	3.8%	1.7	505	18.7	1,375	17.7	0.9	8.0%	5.4%
BSR	Dầu khí	16.9	-2.3%	0.8	2,278	15.4	(909)	N/A	N/A	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	92.0	-1.4%	0.4	523	0.1	5,647	16.3	3.2	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	19.8	-2.9%	0.8	337	3.6	1,928	10.3	1.0	13.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	16.0	-6.2%	0.7	368	3.5	1,122	14.3	1.3	2.1%	9.4%
VCB	Ngân hàng	107.1	-2.5%	1.1	17,270	11.4	5,709	18.8	3.9	23.6%	22.8%
BID	Ngân hàng	42.0	-6.5%	1.3	7,345	11.1	2,048	20.5	2.1	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	35.0	-6.9%	1.3	7,313	43.0	3,692	9.5	1.8	24.8%	20.9%
VPB	Ngân hàng	64.0	-7.0%	1.2	6,831	63.3	4,626	13.8	2.8	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	29.8	-3.9%	1.2	4,895	45.2	2,676	11.1	2.2	21.4%	21.6%
ACB	Ngân hàng	32.8	-7.0%	1.0	3,847	26.5	3,194	10.3	2.3	37.5%	25.6%
BMP	Nhựa	55.0	-3.5%	0.7	196	0.4	6,160	8.9	1.9	83.2%	20.3%
NTP	Nhựa	47.8	-6.3%	0.5	245	0.2	3,988	12.0	2.1	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	19.0	2.2%	0.7	908	0.8	39	487.2	1.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	45.0	-5.0%	1.2	8,742	146.6	4,056	11.1	3.0	26.4%	31.3%
HSG	Thép	33.0	-6.9%	1.4	702	28.2	4,914	6.7	2.0	9.3%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	86.3	-0.8%	0.7	7,842	18.1	4,682	18.4	5.8	55.0%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	158.8	-0.8%	0.8	4,428	0.7	7,561	21.0	5.1	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	119.9	2.6%	0.9	6,154	10.6	1,281	93.6	8.7	33.2%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	16.9	-6.9%	1.3	452	4.9	1,131	14.9	1.3	8.6%	8.7%
ACV	Vận tải	72.2	-3.7%	0.8	6,834	0.6	577	125.1	4.2	3.6%	3.4%
VJC	Vận tải	120.0	0.9%	1.1	2,826	5.2	2,256		4.3	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	24.9	-4.6%	1.7	1,535	1.0	(9,327)		24.5	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	38.8	-3.0%	1.0	508	7.8	1,246	31.1	1.9	41.5%	6.2%
PVT	Vận tải	17.8	0.9%	1.4	250	4.8	2,281	7.8	1.1	13.5%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	104.5	-3.6%	0.9	727	1.8	8,479	12.3	4.0	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	28.3	-4.1%	0.4	552	0.1	1,604	17.6	1.9	5.6%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.2	-6.6%	0.9	235	1.0	1,566	9.0	1.0	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	62.0	-2.8%	1.0	200	1.2	3,352	18.5	0.6	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	16.0	-7.0%	0.5	166	2.6	56	287.6	0.8	22.1%	0.2%
REE	Điện	52.3	-1.1%	-1.4	703	3.0	5,770	9.1	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	23.9	-6.6%	-0.4	199	0.7	2,371	10.1	1.1	9.7%	13.2%
POW	Điện	10.2	-6.0%	0.6	1,033	7.9	1,037	9.8	0.8	2.9%	8.6%
NT2	Điện	18.9	-2.6%	0.5	237	0.8	1,872	10.1	1.3	14.9%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	31.0	-3.7%	1.1	633	18.1	1,639	18.9	1.4	19.5%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	50.5	-6%	0.9	2,273	0.0			3.2	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	119.90	2.57	0.97	2.10MLN
NVL	105.10	1.55	0.47	3.32MLN
VJC	120.00	0.93	0.16	1.01MLN
SJS	60.00	5.63	0.10	615400
PVD	19.00	2.70	0.06	9.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-4.26	2.86MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-4.13	8.07MLN	607060
VPB	-0.01	-3.23	22.32MLN	373600
BID	-0.01	-3.19	6.02MLN	192700
TCB	-0.01	-2.97	58.24MLN	611640

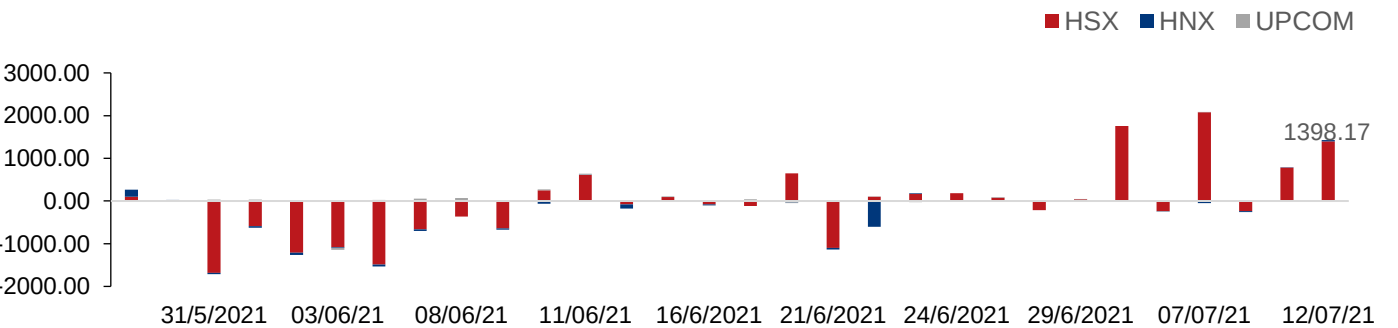
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABS	24.35	6.80	0.03	312400.00
L10	16.00	6.31	0.00	2000
MDG	11.60	5.94	0.00	1100
SJS	60.00	5.63	0.10	615400
HU3	8.35	5.56	0.00	3100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	32.55	-7.00	-0.01	400
PTL	4.65	-7.00	-0.01	19400
TTF	6.51	-7.00	-0.04	6.46MLN
VDS	23.25	-7.00	-0.05	1.06MLN
APH	50.50	-7.00	-0.20	4.57MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.8	3,194	10.3	2.3	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.2	577	125.1	4.2	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	8.3	600	13.8	0.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	7.9	-363		0.7	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.0	3,834	7.3	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	35.0	3,692	9.5	1.8	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	16.0	1122.1	14.3	1.3	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	82.2	5,505	14.9	3.4	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	138.0	7,653	18.0	4.7	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	19.8	1,928	10.3	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	26.8	2,379	11.3	1.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	22.0	-61		1.7	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	86.1	4,103	21.0	4.7	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.4	1,091	26.9	2.5	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	44.4	7,082	6.3	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.0	4,056	11.1	3.0	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	33.0	4,914	6.7	2.0	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	14.2	1,566	9.0	1.0	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	6.7	-1,032		0.6	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	31.0	1,639	18.9	1.4	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.2	1,946	18.6	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	28.0			2.0	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.0	3,258	11.0	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	55.2	5,257	10.5	1.9	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	119.9	1,281	93.6	8.7	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	176.6	9,051	19.5	4.9	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	37.0	4,008	9.2	1.6	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	23.7	2,120	11.2	1.5	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	102.1	4,974	20.5	4.0	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.2	1,037	9.8	0.8	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.0	0	123.8	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	24.3	1,375	17.7	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	158.8	7,561	21.0	5.1	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	16.9	1,131	14.9	1.3	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	33.5	8272.5	4.0	1.2	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	53.5	4,074	13.1	2.4	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	107.1	5,709	18.8	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	43.4	4,166	10.4	2.3	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	14.6	570	25.6	1.2	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	37.2	3,837	9.7	1.3	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	108.0	7,874	13.7	3.9	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	86.3	4,682	18.4	5.8	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	64.0	4,626	13.8	2.8	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.0	1,175	23.0	2.0	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	80.2	3,256	24.6	6.9	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639